

Về tranh chấp BHXH, BHYT, BHTN và bồi thường thiệt hại

HĐLĐ/2017/PHN-HCNS ngày 16.8.2017 cho đến khi nghỉ việc vào tháng 06.2021. Cho đến thời điểm nghỉ việc, Công ty Cổ phần Tập đoàn P vẫn thực hiện việc trừ tiền đóng Bảo hiểm xã hội khi chi trả lương hàng tháng cho bà Lê Thị Ngọc H. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Tập đoàn P chỉ đóng tiền Bảo hiểm xã hội cho bà Lê Thị Ngọc H đến tháng 5.2020. Trong thời gian mang thai và sinh con, do Công ty Cổ phần Tập đoàn P nợ tiền bảo hiểm xã hội nên thẻ bảo hiểm y tế của bà Lê Thị Ngọc H bị khóa. Bà H đã phải tự chi trả 100% chi phí khám sức khỏe định kỳ, viện phí, thuốc khi sinh con. Mặc dù, bà Lê Thị Ngọc H đã yêu cầu Công ty Cổ phần Tập đoàn P giải quyết việc nợ tiền Bảo hiểm xã hội để đảm bảo quyền lợi cho bà nhưng Công ty không thực hiện. Do Công ty Cổ phần Tập đoàn P còn nợ tiền bảo hiểm nên cơ quan Bảo hiểm xã hội không giải quyết các chế độ cho bà H theo quy định của pháp luật làm thiệt hại quyền lợi của bà H.

Vì vậy, bà Lê Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn P phải trả cho bà các khoản tiền được hưởng theo quyền lợi Bảo hiểm xã hội, cụ thể như sau: Tiền Bảo hiểm xã hội từ tháng 05.2020 đến tháng 5.2021 là 9.034.782 đồng; Tiền hưởng chế độ thai sản sau khi sinh con 06 tháng tương ứng số tiền 28.180.000 đồng; Tiền trợ cấp thất nghiệp 03 tháng tương ứng số tiền 7.560.000 đồng; Tiền viện phí khi đi sinh đẻ do thẻ Bảo hiểm y tế bị khóa: 4.683.345 đồng; Tổng cộng là 49.458.127 đồng.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn là Công ty Cổ phần Tập đoàn P trình bày:

Công ty Cổ phần Tập đoàn P xác nhận việc ký kết hợp đồng lao động cũng như quá trình làm việc của bà Lê Thị Ngọc H tại Công ty như bà H đã trình bày. Do Công ty có một số khó khăn trong hoạt động kinh doanh do dịch bệnh nên chưa đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo đúng quy định. Thời gian vừa qua, Công ty đã làm việc với cơ quan Bảo hiểm xã hội và đã có kế hoạch đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Sau khi Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động, thì quyền lợi của bà Lê Thị Ngọc H sẽ được Bảo hiểm xã hội giải quyết chi trả khoản tiền hưởng chế độ thai sản là 28.180.000 đồng.

- Đối với số tiền bảo hiểm 9.034.782 đồng, đây không phải là số tiền Công ty trả cho bà Lê Thị Ngọc H mà là số tiền Công ty có nghĩa vụ nộp cho Bảo hiểm xã hội.

- Đối với số tiền trợ cấp thất nghiệp tương ứng số tiền 7.560.000 đồng, Công ty không chấp nhận và đề nghị bà Lê Thị Ngọc H chia sẻ với Công ty vì khi bà H sinh con xong, Công ty cũng đã mời bà H đi làm trở lại nhưng do không phù hợp nên bà H đã xin nghỉ việc.

- Đối với viện phí khi sinh đẻ 4.683.345 đồng do thẻ bảo hiểm bị khóa, khi bà Lê Thị Ngọc H cung cấp cho Công ty hóa đơn chứng từ thì Công ty sẽ hoàn trả cho bà H khoản tiền này.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Công ty Cổ phần Tập đoàn P phải trả tiền hưởng chế độ thai sản mà buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn P phải nộp tiền bảo hiểm còn nợ, để cơ quan bảo hiểm

xã hội giải quyết chế độ thai sản cho bà Lê Thị Ngọc Htheo quy định. Đối với khoản tiền hưởng trợ cấp thất nghiệp và chi phí sinh đẻ, bà Lê Thị Ngọc H giữ nguyên ý kiến.

- Bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn P thừa nhận trong thời gian qua, do có khó khăn trong hoạt động kinh doanh vì dịch bệnh nên Công ty chưa đóng tiền bảo hiểm cho người lao động. Công ty sẽ cố gắng thực hiện để cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết chế độ thai sản cho bà Lê Thị Ngọc H. Đối với khoản tiền chi phí sinh đẻ, Công ty chấp nhận thanh toán cho bà Lê Thị Ngọc H theo quy định của pháp luật. Riêng khoản tiền trợ cấp thất nghiệp thì Công ty không chấp nhận, vì Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ của mình trong việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Lê Thị Ngọc H.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo và chấp hành pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc H về việc buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn P phải nộp tiền bảo hiểm xã hội còn nợ thì yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc H, buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn P phải bồi thường tiền hưởng trợ cấp thất nghiệp và chi phí sinh đẻ cho bà Lê Thị Ngọc H theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn P (sau đây gọi là Công ty P) phải hoàn trả các khoản tiền do việc không đóng tiền bảo hiểm cho người lao động. Đây là vụ án “*Tranh chấp về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và bồi thường thiệt hại*” theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Công ty P có trụ sở tại 37 - 39 Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc H:

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Ngọc H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty P phải nộp tiền bảo hiểm còn nợ để cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết chế độ thai sản cho bà Lê Thị Ngọc H theo quy định là số tiền 28.180.000 đồng. Hội đồng xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không

vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu vì cùng có đối tượng là việc nợ tiền bảo hiểm xã hội của Công ty P và việc giải quyết chế độ thai sản cho bà Lê Thị Ngọc H. Theo Văn bản số: 09/BHXXH-TCSTKT ngày 05.01.2022 của Bảo hiểm xã hội quận Hải Châu, thì số tiền Công ty P nợ chưa nộp tính riêng cho bà Lê Thị Ngọc H tính đến tháng 05 năm 2021 là 9.034.782 đồng (nợ BHXH là 8.400.000 đồng, tiền lãi chậm nộp là 634.782 đồng). Đây không phải là số tiền Công ty P phải trả cho bà Lê Thị Ngọc H mà là khoản tiền phải nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội. Cũng theo Văn bản số: 681/BHXXH-TCSTKT ngày 26.5.2022 của Bảo hiểm xã hội quận Hải Châu, khi Công ty P nộp tiền bảo hiểm xã hội còn nợ cho người lao động trong đó có bà Lê Thị Ngọc H (số tiền nợ tính đến ngày 30.4.2022 là 214.317.168 đồng), thì cơ quan bảo hiểm xã hội sẽ giải quyết chế độ thai sản cho bà Lê Thị Ngọc H. Bà Lê Thị Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty P phải nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà. Tuy nhiên, căn cứ vào Điều 17 và khoản 9 Điều 22 Luật Bảo hiểm xã hội cũng như Hướng dẫn số: 105/TANDTC-PC&QLKH ngày 14.4.2016 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thi hành Luật bảo hiểm xã hội, thì yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Để bảo vệ quyền và ích hợp pháp của mình, bà Lê Thị Ngọc H có quyền yêu cầu cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền xem xét hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm của Công ty P theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc giao kết và chấm dứt hợp đồng lao động:

Các bên đều thống nhất xác nhận bà Lê Thị Ngọc H làm việc cho Công ty P theo Hợp đồng lao động số: 187HĐLĐ/2017/PHN-HCNS ngày 16.8.2017 và Hợp đồng lao động số: 427HĐLĐ/2018/PHN-HCNS ngày 01.8.2018. Sau khi nghỉ chế độ thai sản, do Công ty P thực hiện việc cắt giảm nhân sự vì dịch bệnh nên bà Lê Thị Ngọc H đã có đơn xin nghỉ việc. Tại Quyết định số: 107/2021/QĐ/PHN ngày 10.7.2021, Công ty P quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà Lê Thị Ngọc Hường kể từ ngày 10.7.2021. Như vậy, việc giải quyết quyền lợi cho người lao động khi nghỉ việc được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu đòi bồi thường các khoản tiền của bà Lê Thị Ngọc H:

- Đối với số tiền hưởng trợ cấp thất nghiệp 7.560.000 đồng:

Bà Lê Thị Ngọc H tham gia Bảo hiểm thất nghiệp với thời gian 03 năm 04 tháng; mức lương bình quân 06 tháng trước khi thất nghiệp là 4.200.000 đồng. Căn cứ Điều 50 Luật Việc làm thì bà Lê Thị Ngọc H được hưởng 03 tháng tiền trợ cấp thất nghiệp, mức hưởng 2.520.000 đồng/tháng (60% x 4.200.000 đồng); tổng cộng là 7.560.000 đồng. Về hưởng trợ cấp thất nghiệp, Điều 46 Luật Việc làm quy định: *“Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc, người lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp tại trung tâm dịch vụ việc làm do cơ quan quản lý nhà nước về việc làm thành lập”*. Bà Lê Thị Ngọc H xác định đã nhiều lần liên hệ với Công ty P để làm thủ tục hưởng các chế độ của bảo hiểm nhưng không có kết quả. Mặc dù, bà có đơn xin nghỉ việc nhưng không

biết được Công ty P đã có quyết định chấm dứt hợp đồng đối với mình từ ngày 10.7.2021, theo như tài liệu mà Công ty P đã cung cấp tại phiên tòa và bà cũng chưa được giao nhận văn bản này. Công ty P cho rằng đã giao Quyết định số: 107/2021/QĐ/PHN ngày 10.7.2021 cho bà Lê Thị Ngọc H nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh vấn đề này. Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động là một trong những giấy tờ cần có để làm hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định tại Điều 16 Nghị định số: 28/2015/NĐ-CP ngày 12.3.2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. Tính đến nay, đã quá thời hạn nộp hồ sơ để được hưởng tiền trợ cấp thất nghiệp nên bà Lê Thị Ngọc H đã bị thiệt hại số tiền 7.560.000 đồng nhưng thời gian đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu. Công ty P không chứng minh được việc đã giao Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động cho bà Lê Thị Ngọc H là lỗi của Công ty P. Do đó, bà Lê Thị Ngọc H yêu cầu Công ty P phải bồi thường cho bà số tiền nói trên là có căn cứ, cần được chấp nhận.

- Đối với tiền chi phí sinh đẻ 4.683.345 đồng:

Theo kết quả xác minh tại Bảo hiểm xã hội quận Hải Châu thì tính đến tháng 05.2021, Công ty P đóng Bảo hiểm y tế cho bà Lê Thị Ngọc H đến tháng 09.2020. Bà Lê Thị Ngọc H sinh con vào tháng 01.2021. Do Công ty P không đóng tiền bảo hiểm y tế nên Thẻ bảo hiểm của bà Lê Thị Ngọc H bị khóa và bà H phải tự thanh toán chi phí sinh đẻ là 4.683.345 đồng (theo Bảng kê chi phí và Hóa đơn của Trung tâm Y tế quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng). Theo quy định tại Điều 22 Luật Bảo hiểm y tế thì bà Lê Thị Ngọc H được Bảo hiểm xã hội thanh toán 80% chi phí khi sinh đẻ. Như vậy, phạm vi quyền lợi bảo hiểm bà Lê Thị Ngọc H được hưởng là $4.683.345 \text{ đồng} \times 80\% = 3.746.676 \text{ đồng}$.

Khoản 28 Điều 1 Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi, bổ sung năm 2014) quy định Cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng Bảo hiểm y tế mà không đóng hoặc đóng không đầy đủ theo quy định của pháp luật thì xử lý như sau: *“Phải hoàn trả toàn bộ chi phí cho người lao động trong phạm vi quyền lợi, mức hưởng bảo hiểm y tế mà người lao động đã chi trả trong thời gian chưa có thẻ bảo hiểm y tế”*. Do đó, cần buộc Công ty P phải trả cho bà Lê Thị Ngọc H số tiền trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm là 3.746.676 đồng. Tổng số tiền Công ty P phải hoàn trả cho bà Lê Thị Ngọc H là 11.306.676 đồng (7.560.000 đồng + 3.746.676 đồng).

[3] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc H nên Công ty P phải chịu án phí lao động sơ thẩm tính trên số tiền phải trả là 339.200 đồng. Đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc H buộc Công ty P phải nộp tiền bảo hiểm xã hội cho người lao động không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không xem xét đến vấn đề án phí.

[4] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cũng như các quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 244, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 36 của Bộ luật Lao động năm 2012;
- Căn cứ vào Điều 17 và khoản 9 Điều 22 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2013;
- Căn cứ vào Điều 46, 49, 50 của Luật Việc làm năm 2013;
- Căn cứ vào khoản 9 và khoản 28 Điều 1; Điều 22 Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi, bổ sung năm 2014).
- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về “*Tranh chấp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và bồi thường thiệt hại*” của bà Lê Thị Ngọc H đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn P.

Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn P phải hoàn trả cho bà Lê Thị Ngọc H số tiền 11.306.676 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc H buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn P phải nộp tiền bảo hiểm xã hội còn nợ không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Kiến nghị đến Cơ quan Bảo hiểm xã hội quận Hải Châu trong phạm vi quyền hạn của mình xem xét việc chậm đóng tiền bảo hiểm xã hội của Công ty Cổ phần Tập đoàn P để bảo đảm quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn P phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 339.200 đồng. Bà Lê Thị Ngọc H không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H và bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phạm Văn Diện